

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

**Báo cáo tài chính công ty mẹ
Quý 1 năm 2011**

MỤC LỤC

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	4-5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
				31/03/2011	01/01/2011
A. Tài sản ngắn hạn	100			345.525.909.292	298.413.344.536
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			8.049.459.409	5.826.016.271
1. Tiền	111	V.01		8.049.459.409	5.826.016.271
2. Các khoản tương đương tiền	112			-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		V.02	463.500.000	463.500.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			548.085.000	526.425.308
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			(84.585.000)	(62.925.308)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		V.03	121.387.387.456	110.356.806.530
1. Phải thu khách hàng	131			70.516.481.210	59.838.257.801
2. Trả trước cho người bán	132			16.726.873.352	8.058.598.121
3. Phải thu nội bộ	133			-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			-	-
3. Các khoản phải thu khác	138			36.486.064.894	44.135.943.077
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			(2.342.032.000)	(1.675.992.469)
IV. Hàng tồn kho	140		V.04	207.726.873.082	176.754.876.907
1. Hàng tồn kho	141			207.726.873.082	176.754.876.907
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			7.898.689.345	5.012.144.828
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05		1.117.101.132	1.953.653.799
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			6.273.222.572	2.432.182.753
3. Các khoản thuế phải thu	152			-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06		508.365.641	626.308.276
B. Tài sản dài hạn	200			148.174.882.642	143.280.183.114
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-	-
II. Tài sản cố định	220			53.741.880.954	54.719.908.280
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07		22.368.342.526	23.336.933.846
- Nguyên giá	222			45.272.158.754	45.176.011.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			(22.903.816.228)	(21.839.077.492)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			-	-
- Nguyên giá	225			-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.08		26.125.511.751	26.445.607.937
- Nguyên giá	228			27.505.495.170	27.505.495.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			(1.379.983.419)	(1.059.887.233)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09		5.248.026.677	4.937.366.497
III. Bất động sản đầu tư	240			-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			90.174.977.159	84.293.149.159
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10		90.174.977.159	84.293.149.159
3. Đầu tư dài hạn khác	258			-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229			-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260			4.258.024.529	4.267.125.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11		4.258.024.529	4.267.125.675
VI. Lợi thế thương mại	269			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270			493.700.791.934	441.693.527.650

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			31/03/2011	01/01/2011
A. Nợ phải trả	300		324.763.836.127	286.420.725.391
I. Nợ ngắn hạn	310		324.763.836.127	286.420.725.391
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	259.046.906.186	215.548.214.642
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	48.033.728.077	56.904.320.416
3. Người mua trả tiền trước	313		1.819.716.703	2.551.098.322
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	910.791.809	28.245.598
5. Phải trả công nhân viên	315		1.945.572.606	1.777.491.027
6. Chi phí phải trả	316	V.15	2.529.649.511	2.116.588.036
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	10.477.471.235	6.850.069.016
8. Quỹ dự khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	-	644.698.334
II. Nợ dài hạn	320		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.18	168.936.955.807	155.272.802.259
I. Vốn chủ sở hữu	410		168.936.955.807	155.272.802.259
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.306.550.000	31.306.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414			-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.743.004.542
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.728.367.679	4.728.367.679
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		52.902.038.128	37.494.880.038
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		493.700.791.934	441.693.527.650
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/03/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gửi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - USD			213,137.49	95.573,93
Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - EUR			1,507.48	2.822,89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 04 năm 2011

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		177.781.026.125	79.670.201.826
2. Các khoản giảm trừ	03		4.268.971.200	1.935.993.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	173.512.054.925	77.734.208.226
4. Giá vốn hàng bán	11		133.928.666.416	60.298.651.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.583.388.509	17.435.556.820
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	10.567.247.310	6.137.221.686
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	5.208.904.658	1.514.606.198
- Trong đó: lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.22	16.578.292.596	8.802.315.579
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.23	7.708.577.000	7.470.812.334
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/(lỗ)	30		20.654.861.565	5.785.044.395
11. Thu nhập khác	31	VI.24	351.025.275	92.523.372
12. Chi phí khác	32	VI.25	1.010.056.909	1.049.591.482
13. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40		(659.031.634)	(957.068.110)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế/(lỗ)	50		19.995.829.931	4.827.976.285
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.26	825.441.513	-
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59		19.170.388.418	4.827.976.285
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	60	VI.27	2.396	603

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 04 năm 2011

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Lũy kế năm 2011	Kỳ trước	Lũy kế năm 2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận trước thuế	01	19.995.829.931	19.995.829.931	4.827.976.285	4.827.976.285
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.384.834.922,0	1.384.834.922,0	1.309.460.526	1.309.460.526
Các khoản dự phòng	03	666.039.531	666.039.531	687.080.469	687.080.469
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-	-	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(10.030.168.392)	(10.030.168.392)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Chi phí lãi vay	06	4.414.297.957	4.414.297.957	1.514.606.198	1.514.606.198
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	16.430.833.949	16.430.833.949	3.339.123.478	3.339.123.478
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.419.717.641)	(5.419.717.641)	21.654.423.332	21.654.423.332
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(30.971.996.175)	(30.971.996.175)	(12.126.236.615)	(12.126.236.615)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(11.487.257.191)	(11.487.257.191)	(4.583.343.905)	(4.583.343.905)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	845.653.813	845.653.813	(107.196.055)	(107.196.055)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.414.297.957)	(4.414.297.957)	(1.514.606.198)	(1.514.606.198)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.016.781.202)	(35.016.781.202)	6.662.164.037	6.662.164.037
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(406.807.596)	(406.807.596)	159.457.853	159.457.853
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.881.828.000)	(5.881.828.000)	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.168.392	30.168.392	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.258.467.204)	(6.258.467.204)	159.457.853	159.457.853
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-	-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-	-	-
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	262.395.403.000	262.395.403.000	95.524.794.400	95.524.794.400
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(218.896.711.456)	(218.896.711.456)	(100.240.176.633)	(100.240.176.633)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.498.691.544	43.498.691.544	(4.715.382.233)	(4.715.382.233)

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Lũy kế năm 2011	Kỳ trước	Lũy kế năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.223.443.138	2.223.443.138	2.106.239.657	2.106.239.657
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.826.016.271	5.826.016.271	4.626.039.677	4.626.039.677
Tiền tồn cuối kỳ	70	8.049.459.409	8.049.459.409	6.732.279.334	6.732.279.334

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ
Kế toán trưởng
Ngày 10 tháng 04 năm 2011



NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Gò Đàng Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 530300064 ngày 11/5/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu mua thủy sản, chế biến và nuôi trồng thủy sản;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Đầu tư tài chính;
- Mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là thu mua, chế biến và nuôi trồng thủy sản.

3. Danh sách các công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	Phường Cô Giang - quận 1 - Tp. HCM	Thương mại và dịch vụ	99%	100%
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Thương mại và dịch vụ	99,8%	100%
Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức	Khu Công nghiệp Gò Đàng - Tiền Giang	Thương mại và dịch vụ	99%	100%
Công ty Cổ phần Hiệp Thanh V	Mỹ Thanh – Mỹ Phước – Mang Thít – Vĩnh Long	Sản xuất và chế biến	100%	100%
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Bến Tre	Khu công nghiệp An Hiệp – Châu Thành – Bến Tre	Thương mại và sản xuất	100%	100%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa	05 - 07
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Thiết bị quản lý	07
Phương tiện vận chuyển	05 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 06

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của những tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa nhà xưởng và công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

11. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 16% và 6 % từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên. Kinh phí công đoàn được trích vào chi phí là 2% trên lương cơ bản.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng (giảm) do phát hành cổ phiếu cao (thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng (giảm) so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VND) được hạch toán theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

17. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm từ năm 2006 đến năm 2008. Năm 2011 là năm thứ ba Công ty được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 50%.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

	31/03/2011	01/01/2011
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	242.351.404	185.974.341
Tiền gửi ngân hàng - VND	6.414.660.150	5.640.041.930
Tiền gửi ngân hàng - Ngoại tệ	1.392.447.855	-
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	8.049.459.409	5.826.016.271
	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư ngắn hạn	548.085.000	526.425.308
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(84.585.000)	(62.925.308)
Cộng	463.500.000	463.500.000
	-	-

(2.1) Đầu tư mua cổ phiếu của các Công ty niêm yết.

(*) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết.

	31/03/2011	01/01/2011
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu khách hàng (3.1)	70.516.481.210	59.838.257.801
Trả trước cho người bán (3.2)	16.726.873.352	8.058.598.121
Phải thu khác (3.3)	36.486.064.894	44.135.943.077
Cộng	123.729.419.456	112.032.798.999
Dự phòng phải thu khó đòi (3.4)	(2.342.032.000)	(1.675.992.469,00)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	121.387.387.456	110.356.806.530
	-	-

(3.1) Trong đó:

Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ là 2.965.912 USD tương đương 59.138.240.000 đồng, phải thu của công ty con :
 Phải thu của công ty con : 3.584.866.777 đồng

	31/03/2011	01/01/2011
(3.2) Chi tiết các trả trước khác hàng:		
Trả trước cho công ty con	23.785.763	-
Trả trước cho khách hàng	16.703.087.589	8.058.598.121
Cộng	16.726.873.352	8.058.598.121

	31/03/2011	01/01/2011
(3.3) Chi tiết các khoản phải thu khác:		
Phải thu tiền cho mượn đến các Công ty con (TM Gò Đàng)	3.854.719.200	3.959.590.200
Phải thu tiền cho mượn đến các Công ty con (An Phát)	-	2.369.059.088
Phải thu tiền cho mượn đến các Công ty con (Gò Đàng Vĩnh Long)	9.831.480.675	11.970.118.466
Phải thu tiền cho mượn đến cá nhân	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu cổ tức từ công ty con - An Phát	-	-
Phải thu tiền hoàn thuế	205.306.449	4.939.297.053
Phải thu ứng trước tiền đất và thi công công trình	10.887.425.000	10.559.350.600
Tiền hỗ trợ thức ăn cho cá từ Tongwei theo hợp đồng	-	-
Các khoản phải thu khác	11.538.614.245	338.527.670
Cộng	36.486.064.894	44.135.943.077
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

4. Hàng tồn kho		31/03/2011	01/01/2011			
Hàng mua đang đi đường		-	-			
Nguyên vật liệu		40.040.582.465	33.146.297.805			
Công cụ, dụng cụ		4.517.243.838	4.631.645.176			
Chi phí sản xuất dở dang		88.581.100.540	64.879.470.078			
Thành phẩm tồn kho		66.829.741.830	71.580.552.654			
Hàng hóa tồn kho		28.490.274	26.490.274			
Hàng đang chuyển		7.729.714.135	2.490.420.920			
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		207.726.873.082	176.754.876.907			
		-	-			
5. Chi phí trả trước ngắn hạn		31/03/2011	31/03/2010			
Tại ngày 01/01		1.920.691.471	491.823.766			
Phát sinh trong kỳ		237.354.139	4.117.307.380			
Kết chuyển chi phí		1.040.944.478	2.655.477.347			
Trừ các khoản giảm khác		-	-			
Tại ngày 31/03/2011		1.117.101.132	1.953.653.799			
		-	-			
6 Tài sản ngắn hạn khác		31/03/2011	01/01/2010			
Tạm ứng nhân viên		412.915.241	530.857.876			
Ký quỹ thuê mặt bằng (phân xưởng Bình Đức)		95.450.400	95.450.400			
Cộng		508.365.641	626.308.276			
		-	-			
7. Tài sản cố định hữu hình						
		<i>Đơn vị tính: Ngàn đồng</i>				
	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2011	18.290.779	22.874.864	1.622.911	494.402	1.892.963	45.175.919
Tăng		96.147				96.147
Giảm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2011	18.290.779	22.971.011	1.622.911	494.402	1.892.963	45.272.066
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2010	10.230.509	9.977.568	183.005	274.167	1.173.829	21.839.078
Tăng	221.691	635.059	89.891	65.452	52.646	1.064.739
Giảm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2011	10.452.200	10.612.627	272.896	339.619	1.226.475	22.903.817
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2011	8.060.270	12.897.389	1.439.906	220.235	719.133	23.336.933
Tại ngày 31/03/2011	7.838.579	12.358.384	1.350.015	154.783	666.488	22.368.249

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

8. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng	Phần mềm quản	Cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2011	27.466.616.870	38.878.300	27.505.495.170
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2011	27.466.616.870	38.878.300	27.505.495.170
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2011	1.021.008.933	38.878.300	1.059.887.233
Tăng	320.096.186	-	-
Giảm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2011	1.341.105.119	38.878.300	1.379.983.419
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	26.445.607.409	-	26.445.607.409
Tại ngày 31/03/2011	26.125.511.751	-	26.125.511.751

9. Xây dựng cơ bản dở dang	31/03/2011	01/01/2010
Công trình xây dựng nhà trọ nhân viên		-
Công trình khu nuôi cá	4.386.941.316	4.125.943.772
Mua sắm tài sản cố định	-	579.768.010
Các công trình khác	861.085.361	231.654.715
Cộng	5.248.026.677	4.937.366.497

10. Đầu tư vào công ty con

Tên Công ty	Vốn điều lệ đăng	Thời điểm	Tỷ lệ biểu		Vốn đã góp	
			Trực tiếp	Gián tiếp	31/03/2011	01/01/2011
Công ty TNHH TM Gò Đàng	3.800.000.000	30/10/1998	99%	1%	3.059.324.057	3.059.324.057
Công ty TNHH XNK TS An Phát	50.000.000.000	25/05/2006	99,8%	0,2%	49.900.000.000	49.900.000.000
Công ty TNHH TM TS Việt Đức	1.000.000.000	04/10/2005	99%	1%	599.000.000	599.000.000
Công ty TNHH MTV Gò Đàng VL	40.000.000.000	28/05/2008	100%	0%	30.282.125.102	30.069.297.102
Công ty TNHH MTV Gò Đàng BT	20.000.000.000	23/03/2010	100%	0%	6.334.528.000	665.528.000
Cộng	114.800.000.000				90.174.977.159	84.293.149.159

Giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát là **10.000.000.000 đồng**.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí trả trước dài hạn	31/03/2011	01/01/2011
Tại ngày 01/01	4.300.088.003	2.185.546.095
Phát sinh trong kỳ	260.972.696	3.504.223.636
Kết chuyển chi phí	(303.036.170)	(1.422.644.056)
Trừ các khoản giảm khác	-	-
Tại ngày 31/03/2011	4.258.024.529	4.267.125.675

Chi phí trả trước dài hạn vào ngày 31/03/2011, bao gồm:

Tiền thuê đất	(*)	617.957.420
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định		933.149.511
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		2.706.917.498
Cộng		4.258.024.529

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 10/HĐ-TLĐ ngày 31/12/2003 và phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2007, diện tích thuê 5.000 m² đất tại lô 45 khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Tiền Giang, thời hạn thuê từ ngày 18/12/2002 đến ngày 20/9/2047, tổng giá trị tiền thuê (đã bao gồm thuế VAT) là 50,000.00 USD.

12. Vay và nợ ngắn hạn	31/03/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	259.046.906.186	215.548.214.642
Cộng	259.046.906.186	215.548.214.642

Chi tiết các khoản nợ vay

Đơn vị tính: ngàn đồng

	01/01/2011	kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2011
NH TMCP Xuất Nhập khẩu VN (12.1)	97.216.993	136.026.767	(135.582.135)	97.661.625
NH TMCP Liên Việt (12.2)	-	-	-	-
NH Ngoại Thương VN (12.3)	17.700.000	11.000.000	(16.000.000)	12.700.000
NH HSBC (12.4)	24.493.779	26.338.842	(23.988.730)	26.843.891
Nguyễn Thị Thanh Trúc (12.5)	10.190.531	-	(763.283)	9.427.248
Công ty Chứng khoán VIS (12.6)	-	-	-	-
NH Phương Tây (12.7)	41.224.428	28.216.325	(31.170.238)	38.270.515
NH Sài Gòn Thương Tín (12.8)	20.022.483	48.527.595	(6.692.625)	61.857.453
NH ANZ (12.9)	-	11.645.004	-	11.645.004
NH Lien Doanh Việt Thái (12.10)	-	640.870	-	640.870
Cộng	215.548.214	262.395.403	(218.897.011)	259.046.606

(12.1) Vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) - CN Hòa Bình với lãi suất dao động từ 3,9% - 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

(12.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Liên Việt (Lienvietbank) - CN TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 378-09/HĐTD-HCM ngày 08/9/2009; số tiền vay: 50 tỷ đồng; ngày đáo hạn: 08/9/2010; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; lãi suất vay 10%/năm; thời hạn vay dựa trên từng kế ước nhận nợ (từ 03 - 12 tháng). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Quyền sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Giồng Rôm, tỉnh Bến Tre; quyền thuê đất cùng với nhà xưởng lại Lô 45 KCN Mỹ Tho - Tiền Giang và máy móc thiết bị kho lạnh.

- Một phần giá trị tài sản là nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát.

- Hàng hóa tồn kho thành phẩm trong quá trình luân chuyển thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng là: cá tra fillet thành phẩm; nghêu, sò lông, tôm, mực thành phẩm.

(12.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Tiền Giang theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/CV/0063/TD2/09LD ngày 13/7/2009. Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng; ngày đáo hạn: 13/7/2010; lãi suất vay 12%/năm.

(12.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số VNM CDT 090928 ngày 16/3/2010. Số tiền vay: 20 tỷ đồng; ngày đáo hạn: 16/3/2011; lãi suất vay 12%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho thành phẩm thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng trị giá 10

(12.5) Vay ngắn hạn từ cá nhân Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc theo 02 hợp đồng vay ký ngày 01/01/2009 với lãi suất vay dao động từ 0,9% - 1,2%/tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(12.6) Khoản vay thấu chi phục vụ cho mục đích kinh doanh chứng khoán từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế (VIS).

(12.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Phương Tây. Hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng; lãi suất vay 12% đến 13%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho thành phẩm giá trị 10 tỷ đồng thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(12.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Sài Gòn thương Tín. Hạn mức tín dụng 3.000.000 USD; lãi suất vay 12% đến 13%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và toàn bộ hàng hoá hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(12.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng ANZ. Hạn mức tín dụng 2.000.000 USD; lãi suất vay 12% đến 13%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho thành phẩm giá trị 10 tỷ đồng kho thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(12.10) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Liên Doanh Việt Thái . Hạn mức tín dụng 3.000.000 USD; lãi suất vay 12% đến 13%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và toàn bộ hàng hoá hình thành từ vốn vay và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

(12.11) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đông Á. Số tiền vay 4.700.000.000 đồng, lãi suất vay 12,6% /năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho giá trị : 350 tấn cá fillet NL 220UP/KĐH, 368 tấn cá fillet NL 120/170 H tại kho của Công ty Cổ phần Gò Đàng.

13. Phải trả người bán	31/03/2011	01/01/2011
Phải trả công ty con An Phát	9.210.466.317	7.654.719.550
Phải trả công ty con Gò Đàng Vĩnh Long	-	4.536.499.250
Phải trả công ty con Việt Đức	271.748.126	286.445.980
Phải trả người bán	38.551.513.634	44.426.655.636
Cộng	48.033.728.077	56.904.320.416

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/03/2011	01/01/2011
Thuế nhập khẩu	30.746.540	28.245.598
Thuế TNDN	825.441.513	-
Thuế TNCN	54.603.756	
Cộng	910.791.809	28.245.598
15. Chi phí phải trả	31/03/2011	01/01/2011
Chi phí lãi vay phải trả		-
Chi phí phải trả khác(thuê kho)	185.360.080	163.195.480
Chi phí phải trả khác	1.255.378.635	1.394.185.056
Chi phí phải trả (cước tàu)	1.088.910.796	559.207.500
Cộng	2.529.649.511	2.116.588.036
16. Phải trả khác	31/03/2011	01/01/2011
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	452.894.220	115.600.720
Các khoản vay, mượn cá nhân và tổ chức không lãi suất	3.266.870.610	2.645.943.305
Tiền nhận đặt cọc mua phế phẩm, phế liệu	3.558.500.000	3.528.500.000
Tiền mượn từ Công ty con (An Phát)	3.148.304.933	-
Các khoản phải trả khác	50.901.472	560.024.991
Cộng	10.477.471.235	6.850.069.016
	-	-
17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/03/2011	01/01/2011
	-	644.698.334

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	644.698.334	3.763.876.304	4.408.574.638	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng do tạm trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010.				

18. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng, được chia thành

Cổ đông	Vốn đăng ký		Vốn góp thực tế	
	Số cổ phần	tong mệnh giá	Số cổ phần	Giá trị
Cổ đông sáng lập				
Nguyễn Văn Đạo	500.000	5.000.000.000	1.734.160	17.341.600.000
Nguyễn Thị Thanh Trúc	500.000	5.000.000.000	1.634.160	16.341.600.000
Lê Sơn Tùng	600.000	6.000.000.000	1.008.101	10.081.010.000
Nhóm cổ đông khác				
Công ty CP Sản sứ Thủy tinh	-	-	1.101.188	11.011.880.000
Lê Thị Liêm	-	-	801.088	8.010.880.000
Các cổ đông khác	6.400.000	64.000.000.000	1.721.303	17.213.030.000
Cộng	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2011
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	31.306.550.000	-	-	31.306.550.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.743.004.542	-	1.743.004.542	-
Quỹ đầu tư phát triển	4.728.367.679	-	-	4.728.367.679
Lợi nhuận chưa phân phối	37.494.880.038	19.170.388.418	(3.763.230.328)	52.902.038.128
Cộng	155.272.802.259	19.170.388.418	(3.763.230.328)	168.936.955.807

b - Cổ phiếu

	31/03/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

19. Doanh thu

	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	139.023.974.048	70.682.312.689
Doanh thu bán hàng - Trong nước	38.757.052.077	8.087.795.341
Doanh thu gia công và doanh thu khác	-	900.093.796
Cộng	177.781.026.125	79.670.201.826

Trừ

Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	(4.268.971.200)	(1.935.993.600)

Cộng doanh thu thuần

173.512.054.925 **77.734.208.226**

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	30.168.392	11.724.873
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	536.078.918	1.125.496.813
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	5.000.000.000
Thu nhập tài chính khác	1.000.000	-
Cộng	10.567.247.310	6.137.221.686

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

	<i>Quý 1/2011</i>	<i>Quý 1/2010</i>
21. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	4.414.297.957	1.440.903.272
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	794.606.701	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	73.702.926
Cộng	5.208.904.658	1.514.606.198
	-	-
22. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì	9.515.303.270	3.475.354.283
Chi phí vận chuyển, cước tàu ...	6.718.895.919	5.102.626.911
Chi hoa hồng môi giới	-	48.019.400
Chi phí bằng tiền khác	344.093.407	176.314.985
Cộng	16.578.292.596	8.802.315.579
	-	-
23. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	917.594.425	1.884.796.291
Chi phí công cụ dụng cụ	-	4.306.251
Chi phí khấu hao TSCĐ	320.210.695	261.202.147
Chi phí thuê kho	3.600.000.000	3.600.000.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.972.459	171.984.301
Chi phí bằng tiền khác	2.617.799.421	1.548.523.344
Cộng	7.708.577.000	7.470.812.334
	-	-
24. Thu nhập khác		
Thu nhượng bán tài sản	-	-
Thu bán phế liệu	152.731.035	92.523.372
Thu hỗ trợ tiền bù lỗ	-	-
Thu nhập khác	198.294.240	-
Cộng	351.025.275	92.523.372
	-	-
25. Chi phí khác		
Chi nhượng bán tài sản cố định	-	-
Chi phí không có hoá đơn chứng từ	1.010.056.909	1.049.591.482
Cộng	1.010.056.909	1.049.591.482
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.995.829.931	4.827.976.285
Các khoản thu nhập không chịu thuế	10.000.000.000	(5.000.000.000)
Các khoản không được khấu trừ	1.010.056.909	
Các khoản chưa được khấu trừ	-	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	(2.533.337.444)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	11.005.886.840	(2.705.361.159)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	15%	15%
Thuế TNDN hiện hành	1.650.883.026	-
Thuế TNDN được miễn/giảm	825.441.513	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	825.441.513	-
27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Quý 1/2011
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		19.170.388.418
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân		8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.396

VII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các Bên liên quan chủ yếu sau:

Bán hàng cho	Quý 1/2011
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	12.855.106.735
Mua hàng từ	
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát (phí lưu kho, gia công)	22.431.324.825
Công ty TNHH MTV Gò Đàng Vĩnh Long	5.021.767.800
Các khoản công nợ với các Bên liên quan tại ngày 30/09/2010 như sau:	
Phải thu bán hàng	31/03/2011
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	3.584.866.777
Phải thu khác	
Công ty TNHH Thương mại Gò Đàng	3.584.719.200
Ông Lê Quang Tuấn - P. Chủ tịch HĐQT	10.000.000.000
Phải trả nợ vay	
Vay cổ đông - Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	9.427.248.180
Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát	13.148.304.933

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/03/2011

Đơn vị tính: VND

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 04 năm 2011

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc